TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/KDTM-PT
Ngày: 27 - 11 - 2018
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ánh Nguyệt**

Các thẩm phán Bà **Trần Thị Kim Sang**
Bà **Nguyễn Thị Thúy Phượng**

-***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Dương Thị Kiều Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh*:** Ông **Nguyễn Trần An An** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLPT – KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng mua bán.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2018/KDTM-ST ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH MTV V;**

Địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp:

- Ông **Võ Phước Q** (chức vụ: Giám đốc) – Là người đại diện theo pháp luật.

- Chị **Lê Thị Kiều D**, sinh năm 1981; cư trú tại: ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây ninh – Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/01/2018)

2. Bị đơn: Anh **Võ Văn Đ**, sinh năm 1978 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân D.

Cư trú tại: ấp T, xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Võ Văn Đ – Chủ DNTN D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 12/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH MTV V, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Lê Thị Kiều D thống nhất trình bày:

Vào ngày 20/10/2014 giữa Công ty TNHH MTV V với anh Võ Văn Đ – Chủ Doanh nghiệp tư nhân D có ký kết hợp đồng kinh tế mua bán mùn cưa CD với nhau. Hợp đồng thỏa thuận: Số lượng bình quân 60 tấn/ngày, đơn giá: 1.520.000 VNĐ/tấn (giá có thể thay đổi theo thời điểm nhưng không được quá 03 tháng 01 lần. Khi điều chỉnh giá bên anh Đ phải thông báo cho bên Công ty TNHH MTV V trước khi áp dụng giá mới 01 tuần.) Mỗi đơn hàng có giá trong khoảng thời gian là 03 tháng. Sau 03 tháng bên Công ty TNHH MTV V phải có đơn đặt hàng mới để bên anh Đ sản xuất cho đơn đặt hàng kế tiếp đều đặn mỗi ngày. Yêu cầu kỹ thuật: Mùn cưa CD và độ ẩm từ 14% - 17%. Thời gian giao hàng được thể hiện theo từng đơn đặt hàng. Địa điểm giao hàng: Giao tại xưởng bên Công ty TNHH MTV V. Nghiệm thu tại xưởng của anh Đ. Giao nhận hàng phải có phiếu giao nhận hàng, phiếu xác nhận nghiệm thu và có chữ ký của hai bên. Hợp đồng được thực hiện đến hết ngày 31/12/2015. Sau khi ký kết hợp đồng Công ty TNHH MTV V có thanh toán trước cho anh Võ Văn Đ số tiền 300.000.000 đồng, nhưng sau đó anh Đ không giao mùn cưa như thỏa thuận và cũng không trả lại tiền cho Công ty TNHH MTV V. Nay Công ty TNHH MTV V yêu cầu anh Đ trả lại số tiền 300.000.000 đồng. Ngoài ra Công ty không yêu cầu gì khác.

Quá trình cung cấp chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn anh Võ Văn Đ – Chủ Doanh nghiệp tư nhân D trình bày:

Vào ngày 20/10/2014, giữa Công ty TNHH MTV V với anh có ký kết hợp đồng kinh tế mua bán mùn cưa CD với nhau. Anh có nhận số tiền đưa trước của Công ty TNHH MTV V là 300.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q – Giám đốc Công ty TNHH MTV V tự ý hạ giá sản phẩm từ 1.520.000 đồng/tấn xuống 800.000 đồng/tấn và không nhận hàng. Hơn nữa sản phẩm mùn cưa CD anh lấy từ Campuchia về, khi anh Quang không nhận hàng làm anh bị vỡ hợp đồng giữa anh với khách hàng bên Campuchia mất số tiền 450.000.000 đồng. Hợp đồng do ông Q vi phạm nên anh không đồng ý trả số tiền 300.000.000 đồng cho ông Q. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM - ST ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Áp dụng các Điều 24, Điều 292, Điều 302, Điều 303, Điều 304 Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV V đối với anh Võ Văn Đ– Chủ Doanh nghiệp tư nhân D về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán".

Buộc anh Võ Văn Đ – Chủ Doanh nghiệp tư nhân D có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV V số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH MTV V không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/8/2018, anh Võ Văn Đ có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Võ Văn Đ – Chủ Doanh nghiệp tư nhân D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Công ty TNHH MTV V và anh Võ Văn Đ – Chủ Doanh nghiệp tư nhân D trình bày thống nhất ngày 20/10/2014 giữa Công ty TNHH MTV V với anh Võ Văn Đ có ký kết hợp đồng kinh tế số 48 ĐNT – VHN/2018 về việc mua bán mùn cưa CD với nhau (bút lục 64), hợp đồng được thực hiện đến hết ngày 31/12/2015. Theo hợp đồng thỏa thuận: Số lượng bình quân là 60 tấn/ngày, đơn giá: 1.520.000 đồng/tấn (giá có thể thay đổi theo thời điểm nhưng không quá 03 tháng 01 lần). Khi điều chỉnh giá bên anh Đ phải thông báo cho bên Công ty TNHH MTV V trước khi áp dụng giá mới 01 tuần. Mỗi đơn đặt hàng có giá trị trong khoảng thời gian là 03 tháng. Sau 03 tháng bên Công ty TNHH MTV V phải có đơn đặt hàng mới để bên anh Đ sản xuất cho đơn đặt hàng kế tiếp đều đặn mỗi ngày. Anh Đ đã nhận trước tiền đặt cọc của Công ty V là 300.000.000 đồng.

[2] Sau khi ký hợp đồng, anh Đ không giao mùn cưa như hợp đồng đã ký và cũng không trả tiền cho Công ty TNHH MTV V nên Công ty V khởi kiện yêu cầu anh Đ trả số tiền 300.000.000 đồng. Anh Đ cho rằng trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V tự ý hạ giá sản phẩm từ 1.520.000 đồng/tấn xuống còn 800.000 đồng/tấn và không nhận hàng làm anh Đ tổn thất với khách hàng của anh Đ bên Campuchia, vì anh Đ lấy hàng từ Campuchia về. Tuy nhiên, trong quá

trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm anh Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh có giao hàng cho Công ty V cũng như việc Công ty V tự ý hạ giá sản phẩm từ 1.520.000 đồng/tấn xuống còn 800.000 đồng/tấn và không nhận hàng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V buộc anh Đ trả số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đ cho rằng anh có giao cho Công ty V 15,8 tấn mùn cưa giá 800.000 đồng/tấn. Phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng phía anh Đ không giao hàng cho Công ty V. Anh Đ cũng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Đ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Tại phần quyết định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên mức lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 là chưa chính xác. Do đó, cần điều chỉnh lại cách tuyên án như sau: "Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự."

[5] Về án phí kinh doanh thương mại: Do kháng cáo của anh Võ Văn Đ – Chủ Doanh nghiệp tư nhân D không được chấp nhận nên anh Đ phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 24, Điều 292, Điều 302, Điều 303, Điều 304 Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Võ Văn Đ – Chủ Doanh nghiệp tư nhân D.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV V đối với anh Võ Văn Đ– Chủ Doanh nghiệp tư nhân D về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán".

Buộc anh Võ Văn Đ – Chủ Doanh nghiệp tư nhân D có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV V số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH MTV V không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Anh Võ Văn Đ – Chủ Doanh nghiệp tư nhân D phải chịu 15.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV V 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0019314 ngày 15/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Anh Võ Văn Đ – Chủ Doanh nghiệp tư nhân D phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012414 ngày 21/8/2018 và 1.700.000 đồng theo biên lai thu số 0012559 ngày 04/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án;
- Lưu: VT, (V).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Ánh Nguyệt